

Số: 815/2022/QĐST- HNGĐ

H, ngày 14 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 989/2022/ TLST-HNGĐ ngày 05/12/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh Tống Kiên T, sinh năm 1982;

- Chị Bùi Ngọc M, sinh năm 1982;

HKTT: Đội 1, xã T, huyện T, H; Cư trú: CH 520, HH2B L, phường H, quận H, H;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, Anh Tống Kiên T và Chị Bùi Ngọc M trình bày:

[1]. Quan hệ hôn nhân: Anh Tống Kiên T và Chị Bùi Ngọc M tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh T vào ngày 25/10/2006. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay

Anh T, Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T, Chị M xác nhận anh chị có 02 con chung là: Tổng Phương N, sinh ngày 07/12/2007 và Tổng Bảo T, sinh ngày 08/9/2011.

Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận, Chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung: Tổng Phương N và Tổng Bảo T; Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng đối với mỗi con (6.000.000 đồng/ tháng/ 02 con).

Anh T, Chị M xác nhận tại thời điểm Tòa án giải quyết anh chị không có thai chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, Chị M thống nhất tự thỏa thuận tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh T, Chị M thống nhất thỏa thuận Chị M tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí ly hôn.

Ngoài ra Anh T, Chị M xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/12/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thảo thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Tổng Kiên T và Chị Bùi Ngọc M cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Anh T, Chị M xác nhận anh chị có 02 con chung là: Tổng Phương N, sinh ngày 07/12/2007 và Tổng Bảo T, sinh ngày 08/9/2011.

Giao cho Chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung: Tổng Phương N, Tổng Bảo T và ghi nhận Anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng đối với mỗi con chung(6.000.000 đồng/ tháng/ 02 con) kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật(ngày 14/12/2022) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định pháp luật khác thay thế.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Anh T, Chị M xác nhận tại thời điểm Tòa án giải quyết anh chị không có thai chung.

* **Về tài sản chung:** Anh T, Chị M thống nhất anh chị tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

* **Về nợ chung:** Anh T, Chị M thống nhất anh chị tự thỏa thuận nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T, Chị M mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của Chị M chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền Chị M đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0050975 ngày 05/12/2022 tại Chi cục Thi hành án quận H, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Dương sự;
- VKSND quận H;
- UBND P,
Thành phố T, tỉnh T
Số : 29, quyền số 09; ngày 25.10.2006);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN ĐÌNH T

